

Bản án số: **55/2026/HNGĐ-ST**
Ngày: 23-3-2026
“V/v: Tranh chấp Ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hào

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Khải

Bà Trần Thị Thanh Miên

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Minh Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Lê Đức Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 233/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2026/QĐ-HPT ngày 11/02/2026 và thông báo mở lại phiên tòa số 20/TB-TA ngày 06/3/2026 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1976 (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn P, xã P, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn P, xã P, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2025, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông Nguyễn Văn Đ sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14, ngày 01/6/1994, sau khi kết hôn bà và ông Đ sống với nhau hạnh phúc được khoảng 29 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, mâu thuẫn trong lời nói, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc ông bà cũng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không có

kết quả. Do đó, bà và ông Đ đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay và mỗi người đã có cuộc sống riêng của mình.

Nay bà K xác định tình cảm với ông Đ không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể hàn gắn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà K yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống giữa bà và ông Đ có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Hải H, sinh năm 1995; Nguyễn Hải H1, sinh năm 2002 và Nguyễn Hải P, sinh năm 2012. Đối với các cháu H và H1 đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn bà K có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu P cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, trên cơ sở tôn trọng theo ý kiến của cháu và đề nghị Tòa án chấp thuận theo ý kiến của cháu.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, về nợ chung*: Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do và không có ý kiến trình bày.*

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, tuy nhiên do ông Đ vắng mặt, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa: Bà K có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn vắng mặt bà K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện với ông Nguyễn Văn Đ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đầy đủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều X cho bà K được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ; đề nghị giao con chung tên Nguyễn Hải P, sinh ngày 15/8/2012 cho bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các vấn đề khác không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:*

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K thuộc trường hợp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ có nơi cư trú Thôn P, xã P, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/06/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai.

[2.2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Tòa án đã tiến hành các thủ tục xác minh, tổng đạt các văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn, triệu tập bị đơn theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông Nguyễn Văn Đ sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14, ngày 01/6/1994, sau khi kết hôn bà và ông Đ sống với nhau hạnh phúc được khoảng 29 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, mâu thuẫn trong lời nói, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc ông bà cũng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do đó, bà và ông Đ đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của ông Đ thể hiện đời sống hôn nhân giữa bà K và ông Đ cũng có nhiều mâu thuẫn. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ để xác định mâu thuẫn vợ chồng nhưng ông Đ vắng mặt không lý do. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ mà Tòa án đã thu thập thể hiện giữa bà K và ông Đ hiện không còn chung sống với nhau nữa. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà K là phù hợp.

[2.1.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa bà K và ông Đ có với nhau có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Hải H, sinh năm 1995, Nguyễn Hải H1, sinh năm 2002 và Nguyễn Hải P, sinh năm 2012. Đối với các cháu H và H1 đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Nguyễn Hải H1, sinh ngày 15/8/2012, xét thấy từ khi bà K và ông Đ sống ly thân với nhau thì cháu H1 đang do bà K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hiện con chung đã có cuộc sống và môi trường sống ổn định. Mặt khác Tòa án đã tiến hành lấy lời của cháu H1 để xem xét đến nguyện vọng của cháu thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với mẹ là bà K. Quá trình giải quyết vụ

án bị đơn ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Để đảm bảo cuộc sống và môi trường sống ổn định cho sự phát triển toàn diện của con chung, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Hải H1, sinh ngày 15/8/2012 cho bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H1 trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp.

[2.1.3] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.1.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị K phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn Đ chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao con chung là cháu Nguyễn Hải H1, sinh ngày 15/8/2012 cho bà Nguyễn Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà K không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà K không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị K phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà K đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0007795 ngày 13/11/2025. Bà Nguyễn Thị K đã nộp đủ án phí.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND khu vực 11 – Đồng Nai (01);
- P.THADS khu vực 11 – Đồng Nai (01);
- UBND xã Thuận Lợi, tỉnh Đồng Nai (số 14, ngày 01/6/1994) (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu HSVA, VT (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hảo